TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2020
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Tuất

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-6-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18-6-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị PTT; địa chỉ: Tổ A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh NVH; địa chỉ: Số 38/856 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02-01-2020 và được bổ sung bằng lời khai tại bản tự khai và các biên bản làm việc, nguyên đơn là chị PTT trình bày:

Chị PTT và anh NVH xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải Phòng từ ngày 16-01-2010. Trong thời gian chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, nên đã sống ly thân từ khoảng năm 2012 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, chị PTT đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết được ly hôn với anh NVH.

Về con chung: Có 02 con chung là G, sinh ngày 01-11-2010 và H, sinh ngày 12-10-2012. Chị PTT có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Chị PTT không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị PTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26-3-2020, bị đơn là anh NVH có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung. Ngoài ra, anh NVH không trình bày về vấn đề gì khác. Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh và nhận thấy: Chị PTT và anh NVH tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E từ ngày 16-01-2010. Do có nhiều mâu thuẫn phát sinh trong thời gian chung sống, nên chị PTT và anh NVH đã sống ly thân từ khoảng năm 2012 cho đến nay. Chị PTT và anh NVH có 02 con chung là G, sinh ngày 01-11-2010 và H, sinh ngày 12-10-2012. Hiện nay, hai con chung đều sống cùng bố, do bố chăm sóc, nuôi dưỡng. Do 02 con chung đều trên 07 tuổi, nên Tòa án đã lấy ý kiến của 02 con chung, hai con chung đều có nguyện vọng được sống cùng bố là anh NVH.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Nhưng tại phiên họp, bị đơn đều vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại Bản tự khai và Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 29-5-2020, nguyên đơn, chị PTT trình bày: Chị PTT vẫn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh NVH. Hiện nay, hai con chung là G và H đang sống cùng anh NVH, do anh NVH chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị PTT rất yêu các con, nhưng nguyện vọng của con chung là được ở cùng bố (anh NVH). Nên chị PTT sẽ để anh NVH được nuôi dưỡng 02 con chung. Chị PTT sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung G số tiền 1.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng nuôi con chung H số tiền 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7 năm 2020, thời hạn cấp dưỡng chậm nhất vào các ngày 29 hàng tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Chị PTT không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh NVH trình bày: Anh NVH và chị PTT xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E. Trong thời gian chung sống, hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, hai bên đã sống ly thân từ khoảng năm 2012 cho đến nay. Vì vậy, chị PTT đề nghị ly hôn với anh NVH, anh NVH đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung là G, sinh ngày 01-11-2010 và H, sinh ngày 12-10-2012. Hiện nay, hai con chung đều sống cùng anh NVH, do anh NVH chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, anh NVH đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung. Anh

NVH yêu cầu chị PTT cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 1.000.000 đồng/tháng, nên mỗi tháng anh NVH yêu cầu chị PTT phải cấp dưỡng nuôi hai con chung tổng số tiền là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh NVH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viển kiểm sát; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng; nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà, đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Xét thấy, chị PTT và anh NVH xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường E nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của gia đình, thấy rằng quá trình chung sống giữa chị PTT và anh NVH đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng vẫn không khắc phục được, nên đã sống ly thân với nhau từ khoảng năm 2012 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị PTT đề nghị ly hôn với anh NVH. Vì vậy, Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị PTT được ly hôn với NVH là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy, nguyên đơn để bị đơn được nuôi dưỡng hai con chung, bị đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Hiện tại, hai con chung đang ăn ở, học tập, sinh hoạt cùng bố là anh NVH. Xét thấy, việc giao con chung cho bị đơn tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai con chung là G và H cho anh NVH trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[4] Chị PTT có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh NVH cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị PTT trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị PTT và anh NVH như trình bày trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung G số tiền 1.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng nuôi con chung H số tiền 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7 năm 2020, thời hạn cấp dưỡng chậm nhất vào các ngày 29 hàng tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị PTT và anh NVH được ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai con chung là G, sinh ngày 01-11-2010 và H, sinh ngày 12-10-2012 cho anh NVH trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Chị PTT có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung G số tiền 1.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng nuôi con chung H số tiền 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7 năm 2020, thời hạn cấp dưỡng chậm nhất vào

các ngày 29 hàng tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ khi anh NVH có đơn yêu cầu thi hành án, chị PTT phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với khoản tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm thi hành án

3. Về án phí: Chị PTT phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0008429, ngày 14-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị PTT đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị PTT phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường E, F, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Huyền